

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUỲNH LƯU
TỈNH NGHỆ AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 21-6-2022
V/v không công nhận vợ chồng

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲNH LƯU, TỈNH NGHỆ AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Yến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hằng.
2. Bà Hồ Thị Huyền.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu tham gia phiên tòa:
Bà Ngô Thị Phương Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 89/2022/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Trần Thị T, sinh năm 1986. Nơi cư trú: Xóm Tiến Sơn, xã TS, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
2. *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982. Nơi cư trú: Xóm TS, xã Tân Sơn, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 08 tháng 02 năm 2022 trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Tuyết trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H yêu và lấy nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn ngày 19/11/2003 tại Ủy ban nhân dân xã QuT, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An. Khi làm thủ tục đăng ký do nghĩ mình chưa đủ tuổi nên chị tự khai sinh ngày 24/8/1981 để cán bộ xã làm thủ tục

đăng ký cho chị và anh H, nhưng thực tế chị sinh năm 1986, giấy chứng nhận kết hôn không có số, không đúng quy định về hình thức theo thủ tục hành chính chị không rõ. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc cho đến năm 2016 thì xảy ra mâu thuẫn căng thẳng do bất đồng quan điểm, chị và anh H thường xuyên sống xa nhau nên tình cảm lạnh nhạt dần. Chị thấy vợ chồng không còn tình cảm, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được tự do, được ly hôn với anh H. Vợ chồng chị có 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/5/2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/02/2008. Chị và anh H thống nhất giao con chung Ngọc Á cho chị, giao Quang H1 cho anh H, trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung chị không yêu cầu tòa án giải quyết. Tại Đơn xin xét xử vắng mặt, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi con chung Quang H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Tại biên bản lấy lời khai, quá trình giải quyết bị đơn anh Nguyễn Văn H trình bày: Anh thống nhất với chị T về thời gian, địa điểm, việc đăng ký kết hôn, năm sinh của chị T trong giấy đăng ký kết hôn, cũng như lý do chị T trình bày về việc đăng ký kết hôn sai năm sinh của chị T, nguyên nhân mâu thuẫn giữa vợ chồng. Do không thể khắc phục được mâu thuẫn nên anh và chị T sống ly thân từ năm 2016 đến nay, không quan tâm đến nhau. Anh không còn tình cảm với chị T, nên chị làm đơn yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh đồng ý. Về con chung: anh thống nhất với chị T về tên, tuổi con chung cũng như ý kiến giao con chung Ngọc Á cho chị T, giao Quang H1 cho anh, trực tiếp nuôi dưỡng, không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tài sản chung anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Nguyễn Quang H1 có nguyện vọng được ở cùng bố mẹ.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã TS thể hiện: Chị Trần Thị T và anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm Tiến Sơn, xã TS. Quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn theo thông tin cơ sở cung cấp do anh H bài bạc, nợ nần nhiều, hiện nay vợ chồng đang sống ly thân. Chị T xin ly hôn anh H, việc nuôi con đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Kết quả xác minh tại Ủy ban nhân dân xã QuT thể hiện: Qua kiểm tra sổ đăng ký kết hôn năm 2003 thì không có trường hợp nào có tên Nguyễn Văn H, sinh ngày 20/5/1982 và Trần Thị T, sinh ngày 24/8/1981 đăng ký kết hôn tại UBND xã QuT như trong như trong giấy chứng nhận kết hôn mà đương sự nộp cho Tòa án.

Biên bản xác minh ông Hoàng Văn Du trình bày: Năm 2003 ông đang là cán bộ tư pháp hộ tịch UBND xã QuT, có làm thủ tục đăng ký kết hôn cho anh Nguyễn Văn H và chị Trần Thị T, khi đó chị T khai sinh ngày 24/8/1981 nên ông ghi trong giấy chứng nhận kết hôn như vậy còn thực tế năm sinh đúng của

chị T ông không biết, do sơ suất nên ông không ghi đầy đủ thông tin cá nhân trong giấy chứng nhận kết hôn và không ghi vào sổ lưu thông tin đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã QuT. Nay chị T, anh H xin ly hôn thì Tòa án xem xét giải quyết theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Lưu phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý, thu thập chứng cứ giải quyết vụ án, tổng đạt văn bản cho Viện kiểm sát và đương sự của Thẩm phán hoàn toàn đúng, đầy đủ theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử, thư ký tuân theo quy định pháp luật trong quá trình xét xử. Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn, bị đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là đúng quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 9, 14, 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP; Điều 147, 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên bố không công nhận chị T và anh H là vợ chồng. Về con chung: con chung Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/5/2004 đã trưởng thành ở với ai do con tự quyết định, giao con chung Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/02/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị T không yêu cầu. Tài sản chung không xem xét. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại xã TS, huyện Quỳnh Lưu, theo quy định tại Điều 35, 39, khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An.

Về việc xét xử vắng mặt: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt, căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt đương sự.

[2] Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời trình bày của chị T, anh H, ông Hoàng Văn Đ thì chị T, anh H có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã QuT. Tuy nhiên Giấy chứng nhận kết hôn chị T nộp cho Tòa án không thể hiện đầy đủ thông tin cá nhân, không có số, quyền, chữ ký của anh H, chị T và trong Sổ lưu thông tin đăng ký kết hôn năm 2003 tại UBND xã QuT không có tên Nguyễn Văn H và Trần Thị T. Điều đó chứng tỏ Giấy chứng nhận kết hôn chị T nộp cho Tòa án không có giá trị pháp lý vì vi phạm quy định về thủ tục đăng ký kết hôn được quy định tại Điều 23 Nghị định số 83/1998/NĐ-CP ngày 10/10/1998 về Đăng ký hộ tịch và mục B phần I Thông tư số 12/1999/TT-BTP ngày 25/6/1999 hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 83/1998/NĐ-CP. Xác định chị T và anh H chung sống với nhau từ năm 2003, quá trình chung sống xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thiếu quan tâm nhau dẫn đến tình cảm ngày càng lạnh nhạt. Căn cứ vào khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 về Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật Hôn nhân và gia đình, không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị T và anh H.

Về con chung: Chị T, anh H có 02 (hai) con chung Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/5/2004 và Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/02/2008. Tại bản tự khai, biên bản phiên họp chị T, anh H thống nhất giao Ngọc Á cho chị T, Quang H1 cho anh H, trực tiếp nuôi dưỡng. Tuy nhiên đến thời điểm xét xử Ngọc Á đã đủ 18 tuổi trưởng thành, hoàn toàn khỏe mạnh, bình thường, theo quy định của pháp luật ở với ai do con tự quyết định. Tại đơn xin xét xử vắng mặt, chị T có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Quang H1 và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Xét ngày 13/6/2022, anh H phải đi chấp hành hình phạt 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc” tại bản án số 09/2022/HS-ST ngày 26/4/2022 của Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Đàn, tỉnh Nghệ An, nên đề đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cho con chung, giao Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/02/2008 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị T không yêu cầu.

Về tài sản chung: Không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

Án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 9, 14, 15, khoản 1 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ tư pháp ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định Luật hôn nhân và gia đình;

- Điều 147, khoản 1 Điều 228, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị Tu và anh Nguyễn Văn H là vợ chồng.

2. Về con chung: Con chung Nguyễn Thị Ngọc Á, sinh ngày 24/5/2004 đã trưởng thành ở với ai do con tự quyết định. Giao con chung Nguyễn Quang H1, sinh ngày 12/02/2008 cho chị Trần Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh H vì chị T không yêu cầu.

Anh Nguyễn Văn H có quyền nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không xem xét.

4. Về án phí: Buộc chị Trần Thị T phải chịu 300.000đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Lưu theo Biên lai thu số 0007708 ngày 17/3/2022.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn, vắng mặt, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Nghệ An trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Lưu;
- CCTHADS huyện Quỳnh Lưu;
- UBND xã QuT;
- Dương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hải Yến

